

Bản án số: 380/2024/DS-PT
Ngày: 16-8-2024
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tông.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;
Ông Nguyễn Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Căn cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2024/QĐXX-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2024/QĐ-PT ngày 09-8-2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố E, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo uỷ quyền; văn bản uỷ quyền ngày 11-5-2023; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Đăng P, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số A, Hẻm A, đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Trương Ngọc T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo uỷ quyền; văn bản uỷ quyền ngày 02-4-2024; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Trần Thị Đăng P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Thị Đăng P có vay tiền của bà Nguyễn Ngọc B, cụ thể như sau:

- Ngày 27-9-2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 1%/tháng, hình thức trả góp mỗi ngày 500.000 đồng; thời hạn 02 năm; đã góp được 69 ngày thành số tiền 34.500.000 đồng; còn nợ lại số tiền gốc là 165.500.000 đồng.

- Ngày 06-11-2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 1%/tháng, hình thức trả góp mỗi ngày 700.000 đồng; thời hạn 02 năm; đã góp được 02 tháng thành số tiền 42.000.000 đồng; còn nợ lại số tiền gốc là 358.000.000 đồng.

- Ngày 06-01-2019 vay số tiền 25.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn 05 ngày; khoản tiền này chị P1 chưa trả cho bà B.

Trong ba khoản vay trên chị P viết giấy, ký xác nhận khoản nợ **vay đôi với bà B**. Nay bà B yêu cầu chị P trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 548.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị Đăng P và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Lần đầu tiên chị không nhớ ngày tháng năm, có chị Lại Thị Hồng Y giới thiệu chị cho bà B để vay số tiền 200.000.000 đồng; nhưng yêu cầu chị phải viết giấy nợ số tiền 400.000.000 đồng; bà B nói khi nào trả thì trả 200.000.000 đồng, khoản vay này chị chưa nhận tiền từ bà B; khi đó có chị Y làm chứng; lãi suất 1 triệu, một ngày 10.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ xong, chị thấy lãi suất cao và số tiền lớn nên chị ra nhà bà B xin lại giấy nợ nhưng bà B hẹn nhiều lần không trả.

Ngày 27-9-2018 chị hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, bà B yêu cầu chị viết giấy nợ số tiền 200.000.000 đồng; nhưng thực tế bà B chỉ đưa cho chị số tiền 30.000.000 đồng nói để gom thêm giao cho chị nhưng không đưa đủ; lãi suất 1 triệu, một ngày 10.000 đồng. Chị trả tiền lãi nhiều lần cho bà B nhưng không xác định cụ thể bao nhiêu.

Ngoài ra, chị có vay tiền góp của bà B số tiền 10.000.000 đồng không nhớ ngày tháng năm nhưng bà B yêu cầu chị viết giấy nợ số tiền 25.000.000 đồng. Chị đã góp cho bà B nhiều lần mỗi lần từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và đã góp xong; nhưng không có giấy tờ chứng minh.

Các giấy nợ ngày 27-9-2018 số tiền 200.000.000 đồng; giấy nợ ngày 06-11-2018 số tiền 400.000.000 đồng; giấy nợ ngày 06-01-2019 AL số tiền 25.000.000 đồng; là do chị viết và ký tên. Nhưng nội dung không đúng vì số tiền

400.000.000 đồng là mượn trước số tiền 200.000.00 đồng vì có bà **Y** ký làm chứng.

Nay chị xác định chỉ còn nợ bà **B** số tiền gốc là 30.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Ngọc B** đối với bà **Trần Thị Đăng P**.

2. Buộc bà **Trần Thị Đăng P** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Ngọc B** số tiền 548.500.000 đồng (năm trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà **B** không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 05-6-2024 chị **Trần Thị Đăng P** kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị **Trần Thị Đăng P** và người đại diện theo uỷ quyền trình bày ý kiến, với nội dung: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; không đồng ý trả cho bà **B** số tiền 548.500.000 đồng; đồng ý trả cho bà **B** số tiền 30.000.000 đồng; phía nguyên đơn cung cấp được 03 giấy nợ nhưng không cung cấp được biên bản giao nhận tiền giữa các bên; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến, với nội dung: Bà **B** đã cung cấp các giấy vay tiền do bị đơn viết, ký tên xác nhận các khoản nợ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại cấp phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị người làm chứng là chị **Lại Thị Hồng Y**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **Tổ A, đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**; tại phiên tòa chị **Y** có mặt; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị **Trần Thị Đăng P**, thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào các tài liệu, bao gồm: “Giấy nợ” đề ngày 27-9-2018 ghi số tiền vay 200.000.000 đồng, “Giấy nợ” đề ngày 06-11-2018 ghi số tiền vay 400.000.000 đồng, “Giấy nợ” đề ngày 06-01-2019 Âm lịch là ngày 10-02-2019 Dương lịch ghi số tiền vay 25.000.000 đồng; bị đơn thừa nhận nội dung trong các giấy nợ này do mình viết, ký và ghi họ tên; nên được xác định là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn cho rằng: Giấy nợ ghi số tiền 400.000.000 đồng nhưng thực tế vay 200.000.000 đồng, chưa nhận được tiền vay và đây là lần đầu tiên vay tiền của bà **B**; giấy nợ ghi số tiền 200.000.000 đồng nhưng thực tế vay 100.000.000 đồng và chỉ nhận được số tiền 30.000.000 đồng; giấy nợ ghi số tiền 25.000.000 đồng nhưng thực tế vay 10.000.000 đồng và đã trả xong; nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh để thể hiện số tiền thực vay như đã trình bày, cũng như số tiền thực tế đã nhận từ bà **B**; không chứng minh được mình đã hoàn thành xong nghĩa vụ trong giao dịch dân sự đối với giấy vay số tiền 25.000.000 đồng. Mặt khác, thấy rằng cùng một sự việc khi thì bị đơn xác định nhận 30.000.000 đồng từ bà **P2**, khi thì trình bày: Số tiền 30.000.000 đồng thì bà **P2** giao trực tiếp cho anh **H1** ở khu vực **chợ L** do chị nợ anh **H1** số tiền 30.000.000 đồng, địa chỉ của anh **H1** thì chị không biết (*Biên bản đối chất ngày 10-4-2024 tại bút lục số 40*); lời trình bày của chị **P** là mâu thuẫn với nhau, không hợp lý; cho rằng khi vay không nhận đủ tiền vay nhưng lại tiếp tục vay tiền lần khác là không phù hợp với lẽ thông thường trong thực tế. Do đó, không có căn cứ xem xét, chấp nhận toàn bộ lời nại của bị đơn.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng bị đơn phản đối yêu cầu của người khác có trách nhiệm thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng không cung cấp, không chứng minh được; lời trình bày của chị **Lại Thị Hồng Y**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh** do bị đơn xác định đều không biết rõ về giao dịch dân sự giữa các bên, quá trình thực hiện giao dịch như thế nào?...nên không được xác định là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên Toà án giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đây cũng là cơ sở để không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị **P** có trách nhiệm trả cho bà **B** số tiền nợ gốc 548.500.000 đồng; là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 27-9-2018, có kỳ hạn là 02 năm; số tiền vay 400.000.000 đồng ngày 06-11-2018, có kỳ hạn 02 năm; số tiền vay 25.000.000 đồng ngày 10-02-2019, có kỳ hạn là 05 ngày. Như vậy, đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện ngày 15-12-2023 về hợp đồng vay tài sản là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự nhưng được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự về trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện đã được giải đáp tại mục 3 phần III [Công văn số: 02/TANDTC-PC02-8-2021](#) của Tòa án nhân dân Tối cao; nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự; cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của hợp đồng vay tài sản để quyết định trong bản án là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[4] Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **Trần Thị Đăng P**, nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên chị **P** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về tranh chấp đòi lại tài sản đối với chị Trần Thị Đăng P.

Chị Trần Thị Đăng P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc B số tiền 548.500.000 đồng (năm trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Đăng P phải chịu 25.940.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Trần Thị Đăng P phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; ghi nhận chị P đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại Biên lai thu số 0002921, ngày 05-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; được khấu trừ; chị P nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND TP.Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP.Tây Ninh ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tòng